TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2022/DS-PT
Ngày: 20 - 9 - 2022
V/v "Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng lối đi qua"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Phan Minh Dũng.

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Xuân Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2022/TBTL-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp mở lối đi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2022/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định, bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 172/2022/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Băng Ph, sinh năm 1975; trú tại: Thôn L, xã M, huyện H, tỉnh Bình Định (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị S, sinh năm 1980; trú tại: Thôn L, xã M, huyện H, tỉnh Bình Định (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Nguyên Đ - Luật sư hoạt động tại Công ty luật trách nhiệm hữu hạn B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1975; trú tại: Thôn L, xã M, huyện H, tỉnh Bình Định (có mặt).

2. UBND xã M, huyện H, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh H, chức vụ: Chủ tịch UBND xã.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Qu, chức vụ: Công chức địa chính xã M (văn bản ủy quyền số 21 ngày 10/12/2021) (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Lê Thị S, trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Băng Ph, trình bày:

Nguyên cha mẹ ông có một thửa đất vườn tại thôn L, xã M, huyện H; cha mẹ ông sử dụng từ trước năm 1975. Sau khi cha ông chết thì ông tiếp tục sử dụng. Thời gian cha mẹ ông còn sống thì có một lối đi chung từ đường liên xã vào đất của ông và nhiều hộ khác, tất cả đều sử dụng lối đi này. Đến thời gian sau, vợ chồng ông Lê C và vợ chồng bà S về xây dựng nhà cũng sử dụng lối đi này; bà S trồng một hàng rào cây gai lưỡi hùm phía trước sân để ngăn cách lối đi với đất của bà S. Đến năm 2016 bà S xây dựng nhà, xây dựng tường rào, cổng ngõ chắn ngang lối đi, nên ông không còn lối đi nào vào sử dụng đất của ông ở phía trong; lâu nay ông phải leo tường vào thửa đất. Nay ông yêu cầu Tòa giải quyết, buộc bà S phải tháo gỡ cổng ngõ và đoạn tường rào chắn lối đi, để ông có lối đi vào đất của ông.

Bị đơn bà Lê Thị S, trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 851, tờ bản đồ số 09 tại thôn L, xã M, huyện H, tỉnh Bình Định là của cha mẹ bà cho bà xây dựng nhà ở. Năm 2011 UBND huyện H, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) thửa đất 851 cho bà tại GCNQSDĐ có số vào sổ CH109 ngày 16/6/2011. Thời gian vợ chồng bà xây dựng nhà ở trên đất thì bà thấy có lối đi từ đường liên xã vào trước nhà ông Lê C, rồi vào trước cổng nhà bà, bà có trồng một hàng rào lưỡi hổ để làm ranh giới đến giáp đất của gia đình ông Ph, thời gian đó ông Ph và các hộ dân có sử dụng lối đi này, nhưng vào đến cổng nhà bà thì rẽ đi qua đất của Trạm Thủy nông, chứ không đi trước nhà bà. Đến năm 2016, vợ chồng bà xây dựng nhà và tường rào, cổng ngõ trong phạm vi đất của bà chứ không xâm phạm gì lối đi, do đó bà không chấp nhận yêu cầu của ông Ph.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Tiến D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, nhưng bà S cho rằng ông D bận làm ăn ở xa nên không đến Tòa được, bà S sẽ đại diện cho ông D. Do vậy, ông D không có lời khai cũng như yêu cầu đối với việc khởi kiện của ông Ph.

Ông Nguyễn Minh Qu là người đại diện theo ủy quyền của UBND xã M, trình bày:

Bà Lê Thị S được UBND huyện H, cấp quyền sử dụng thửa đất số 851, tờ bản đồ số 09, diện tích 234m^2 tại thôn L, xã M, huyện H, tỉnh Bình Định tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH109 ngày 16/6/2011. Liền kề diện tích đã cấp quyền cho bà S có lối đi chung từ đường lớn đi vào đất của các hộ dân sử dụng; Khi bà S, ông C xây dựng nhà ở trên thửa đất nói trên cũng sử dụng lối đi này. Đến năm 2016 bà S xây dựng tường rào chắn luôn lối đi nên ông Ph đã khiếu nại đến UBND xã M, huyện H. Sau khi nhận đơn khiếu nại của bà S UBND xã M có đi kiểm tra thực tế thì diện tích đất của bà S sử dụng tăng 198.9m^2 so với diện tích được cấp quyền. Theo kết quả giải quyết tại phiên hòa giải giữa ông Ph với bà S do UBND xã M tổ chức thì các thành viên tham gia cũng như kết luận đều thống nhất yêu cầu bà S phải trả lại diện tích lối đi theo sơ đồ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2022/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bà Lê Thị S và ông Nguyễn Tiến D phải tháo gỡ 02 trụ cổng phía ngoài có khoảng cách 3,16m; 01 đoạn tường rào phía bên trong (giáp đất ông Nguyễn Băng Ph) dài 6,4m (tổng diện tích lối đi là 76,6m^2) để mở lối đi theo sơ đồ thửa đất đã cấp cho ông D, bà S (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 10/5/2022 bị đơn bà Lê Thị S, kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét kiểm tra xác minh làm rõ quyền sử dụng đất và bác đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Băng Ph.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo với nội dung như trên.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các bên đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Minh Qu là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã M

đã được Tòa án triệu hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp mở lối đi" là không có cơ sở. Bởi lẽ: Phần diện tích lối đi hiện bà Lê Thị S và ông Nguyễn Băng Ph tranh chấp không được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất cho bà S. Phần đất nói trên là lối đi có từ trước nhưng bà S lấn chiếm, rào tường, làm cổng ngõ, cản trở việc đi vào thửa đất của ông Nguyễn Băng Ph nên ông Ph khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Lê Thị S và ông Nguyễn Tiến D phải tháo gỡ tường rào, cổng ngõ trả lại lối đi chung để gia đình ông đi lại sử dụng đất của gia đình ông ở phía trong nhà, đất của bà S nên xác định quan hệ pháp luật là "Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng lối đi qua".

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị S, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thửa đất hiện ông Nguyễn Băng Ph, đang sử dụng nằm phía sau thửa đất của bà Lê Thị S. Tuy thửa đất của ông Ph chưa kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đất có nguồn góc là của cha ông Ph để lại cho ông Ph và gia đình ông Ph sử dụng từ trước năm 1975 đến sau nay. Thời gian trước đây có một lối đi từ đường liên xã vào trước nhà ông Lê C rồi đến đất của gia đình ông Ph và một số hộ khác sử dụng đi lại để sản xuất. Khoảng năm 1990 vợ chồng bà Lê Thị S đến ở tại thửa đất giáp ranh với đất của ông Ph và cũng sử dụng lối đi này cùng với gia đình ông Ph và các hộ dân khác, không xảy ra tranh chấp. Bà S đã trồng hàng rào gai lưới hổ ngăn cách lối đi và đất bà S sử dụng. Đến năm 2011 bà S được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 851, tờ bản đồ số 09, diện tích 234m^2 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH109 ngày 16/6/2011. Trong trích lục vẽ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà S vẫn thể hiện lối đi. Như vậy, thực tế lối đi này đã tồn tại trước khi bà S đến ở, đến khi bà S được cấp quyền sử dụng đất thì trên sơ đồ vẫn tồn tại lối đi. Năm 2016, bà S xây dựng nhà, xây dựng tường rào, cổng ngõ chắn toàn bộ lối đi trong khi đó diện tích đất được cấp cho bà S chỉ có 234m^2. Như vậy, bà S chỉ được sử dụng diện tích đã cấp quyền là 234m^2 nhưng qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/4/2021 và trích đo bản đồ địa chính khu đất thì thực tế hiện nay bà S xây dựng tường rào xung quanh sử dụng tổng diện tích đất là 438.4m^2 (trong đó diện tích ngoài giao quyền là 127.8m^2, diện tích lối đi là 76.6m^2); phần đất lối đi không thuộc trong diện tích đất cấp quyền của bà S nên bà S không có quyền rào chắn lối đi. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng lối đi của nguyên đơn là có căn cứ.

Theo kết quả xem xét tại chỗ ngày 13/4/2021 thì bà S xây chắn lối đi từ bên ngoài vào giáp đất của bà S, bà S xây dựng 02 trụ cổng, khoảng cách giữa

02 trụ là 3.16m; đến đoạn tiếp giáp đất của ông Ph bà S xây dựng tường rào dài từ trước ra sau, chắn lối đi một đoạn dài 6.40m. Vì vậy, nên buộc ông D và bà S phải tháo gỡ 02 trụ cổng và đoạn tường rào để trả lại hiện trạng lối đi chung là đúng với quy định của pháp luật về đất đai. Lối đi có các cạnh như sau: Từ đường liên xã vào đến đất của bà S cổng ngõ có chiều rộng 3.16m, chiều dài lối đi đến giáp đất ông Ph là 18.6m, chiều rộng lối đi vào đất của ông Ph (tính từ mép tường rào của trạm thủy nông đi vào) là 6.40m. Do đó, buộc vợ chồng ông Nguyễn Tiến D và bà Lê Thị S phải tháo gỡ cổng ngõ và đoạn tường rào chắn lối đi, để trả lại lối đi chung theo sơ đồ thửa đất là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm 60/2022/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì bà Lê Thị S không phải chịu.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu luận cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy Bản án dân sự sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Tòa.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn. Sửa Bản án sơ thẩm về quan hệ pháp luật là phù hợp với phần nhận định của Tòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn Điều 169 và Điều 254 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị S.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2022/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, về quan hệ pháp luật là: "Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng lối đi qua".

3. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bà Lê Thị S và ông Nguyễn Tiến D, phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng lối đi qua của ông Nguyễn Băng Ph.

Buộc bà Lê Thị S và ông Nguyễn Tiến D phải tháo giỡ 02 trụ cổng phía ngoài có khoảng cách 3.16m; 01 đoạn tường rào phía bên trong (giáp đất ông Nguyễn Băng Ph) dài 6.4m (tổng diện tích lối đi là 76.6m^2) để trả lại lối đi theo sơ đồ thửa đất đã cấp cho ông D, bà S (có sơ đồ kèm theo).

4. Chi phí tố tụng và án phí:

4.1. Chi phí xem xét và định giá tài sản là 4.000.000 đồng bà Lê Thị S, phải chịu. Ông Nguyễn Băng Ph đã tạm ứng nên buộc bà Lê Thị S trả lại cho ông Nguyễn Băng Ph 4.000.000 đồng.

4.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị S phải nộp 300.000 đồng. Hoàn trả cho ông Nguyễn Băng Ph 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001814 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

4.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị S không phải chịu. Hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị S theo biên lai thu số 0010608 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đỗ Thị Thắm